

TÁC ĐỘNG CỦA TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐẾN NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM

Vũ Thị Sen
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu về tự chủ đại học, tự chủ tài chính (TCTC) trong nước và ngoài nước, kết hợp với số liệu khảo sát từ lãnh đạo các trường đại học năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về tự chủ đại học. Bài viết đã chỉ ra quan điểm, vai trò của TCTC trong các trường đại học trên thế giới và Việt Nam. Kết quả cho thấy, tỷ lệ phần lớn các trường đại học của Việt Nam cho rằng TCTC có tác động tích cực và quá trình áp dụng TCTC là thuận lợi. Bên cạnh đó, có một tỷ lệ đáng kể các trường đại học cho rằng TCTC có tác động chưa rõ và một số ít trường cho rằng có tác động tiêu cực, quá trình áp dụng cơ chế TCTC còn nhiều khó khăn. Những tác động này thể hiện qua một số chỉ tiêu: Đa số các trường đại học có mức TCTC tăng lên, 75% trường có tổng nguồn thu tăng, 72% trường có nguồn thu ngoài nguồn NSNN tăng và 88% trường có thu nhập của cán bộ, giảng viên tăng. Tuy vậy, vẫn còn 25% tỷ lệ trường có nguồn thu giảm hoặc không tăng, 12% trường có thu nhập của cán bộ, giảng viên giảm hoặc không tăng. Từ đó, bài viết cho thấy cái nhìn tổng thể về thực trạng và sự tác động của TCTC đến nguồn tài chính của các trường đại học Việt Nam trong giai đoạn vừa qua.

Từ khóa: Tự chủ đại học; Tự chủ tài chính; Nguồn tài chính.

1. Giới thiệu

Tại Việt Nam và trên thế giới, giáo dục đại học đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, là yếu tố góp phần quan trọng vào tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Do đó, những năm gần đây Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm đến đổi mới và nâng cao chất lượng phát triển giáo dục đại học, trong đó có trao quyền tự chủ cho các trường, trong đó có trao quyền TCTC cho các trường đại học công lập.

Luật Giáo dục đại học năm 2012 đã quy định quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) tại Việt Nam. Chủ trương tự chủ đại học là chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI (Nghị quyết 29) yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với những định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực. Chủ trương tự chủ được khẳng định tại Nghị quyết: “*Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường*”.

Trên cơ sở Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày

09/8/2012, Nghị quyết 29, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017. Nghị quyết cụ thể hóa các nội dung về quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường đại học trong khuôn khổ pháp lý được quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, Nghị quyết số 77/NQ-CP có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động tự chủ đại học tại Việt Nam.

Quá trình thực hiện TCTC từ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, hiện tại được thay thế thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế TCTC trong đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là cơ sở pháp lý để các trường đại học phát huy tính tự chủ, nâng cao chất lượng đào tạo và giải trình của mình vì thực hiện quyền tự chủ đại học không chỉ đơn thuần sự đổi mới về cơ chế, chính sách của nhà nước mà chính là sự đổi

mới của bản thân các trường đại học công lập trong sự cạnh tranh giữa các trường đại học hiện nay. Chính vì vậy, các trường ĐHCL bắt buộc phải đổi mới, phải thực hiện được quyền tự chủ mà Nhà nước giao cho thì mới có thể tồn tại và phát triển bền vững.

Cơ cấu nguồn lực tài chính tại các trường ĐHCL được hình thành chủ yếu từ: Nguồn thu NSNN cấp, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và thu khác. Theo số liệu thống kê tính đến năm 2022 cho thấy tự chủ đại học đã thúc đẩy tăng cường TCTC giúp nâng cao hiệu quả khai thác các nguồn lực của trường đại học, tăng nguồn thu ngoài nguồn NSNN cấp đối với các trường ĐHCL.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu từ các nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề TCTC tại các trường đại học để thấy rõ quan điểm, sự cần thiết và vai trò của việc áp dụng cơ chế TCTC tại các trường đại học công lập của Việt Nam. Mặt khác, dựa trên kết quả thống kê khảo sát đánh giá 5 năm thực hiện TCTC của các trường đại học của Việt Nam (từ năm 2017-2022) thông qua khảo sát đánh giá từ các lãnh đạo các trường đại học bao gồm Hiệu trưởng, Bí thư đảng ủy/chủ tịch Hội đồng trường (HĐT) để thấy rõ được tác động của các chính sách TCTC như tự chủ về học phí, tự chủ về quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công, tự chủ về quản lý đầu tư công, tự chủ khai thác sử dụng các nguồn thu ngoài nguồn NSNN cấp đến nguồn lực tài chính của các trường. Đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát lãnh đạo các trường đại học về mức đạt TCTC đạt được đến năm 2022, tình hình nguồn tài chính thông qua một số chỉ tiêu như: Tổng nguồn thu, nguồn thu từ NSNN, nguồn thu ngoài NSNN và tình hình thu nhập của cán bộ giảng viên hàng năm để đánh giá được mức độ tác động tích cực, tiêu cực và sự thuận lợi, khó khăn trong thực hiện cơ chế TCTC tại các trường trong giai đoạn vừa qua.

3. Vai trò của tự chủ tài chính trong các trường đại học

Quan điểm TCTC chỉ ra trong một số nghiên cứu (Douglas & Adrian, 1992; Robert, 2005; EUA, 2009): Trường ĐHCL là tổ chức do cơ quan chức năng đại diện cho Nhà nước

thành lập và quản lý, hoạt động hướng đến phục vụ cộng đồng và xã hội thay vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, các trường ĐHCL thực hiện cơ chế TCTC không có nghĩa là tự túc kinh phí mà Nhà nước vẫn đầu tư thông qua cơ chế đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công. Điều đó cũng có nghĩa là TCTC trong trường ĐHCL phải đặt trọng tâm vào việc khai thác, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính của trường để đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch. Đây cũng là mục tiêu mà nhiều quốc gia đang theo đuổi, trong đó có các trường đại học của Việt Nam.

Theo John Fielden (2008) cho rằng thực hiện cơ chế TCTC trong trường ĐHCL là cần thiết để các trường ĐHCL tồn tại và phát triển theo quy luật của nền kinh tế thị trường, chủ động khai thác, phát huy hiệu quả các nguồn lực. Trịnh Xuân Thắng (2015) cũng cho rằng nếu chỉ trông chờ vào nguồn NSNN thì hoạt động của các trường ĐHCL ở Việt Nam sẽ chậm phát triển, không chủ động, thiếu linh hoạt... dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp. Do vậy, thực hiện cơ chế TCTC đối với các trường ĐHCL ở Việt Nam là tất yếu khách quan nhằm đảm bảo sự thành công cho trường ĐHCL trong điều kiện đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội. Tính hiệu quả của thực hiện cơ chế TCTC trong trường ĐHCL thể hiện ở hai khía cạnh là tỷ lệ nguồn thu ngoài NSNN trong tổng nguồn thu tài chính của trường ĐHCL và việc quản lý, sử dụng nguồn thu tài chính nhằm phục vụ mục đích đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp (chất lượng sản phẩm đào tạo các ngành học).

Phan Đăng Sơn (2014) cho rằng nội dung của tự chủ đại học bao hàm ba vấn đề chính là tự chủ về tổ chức - nhân sự, tự chủ về học thuật và TCTC. Trong đó, TCTC đóng vai trò căn bản đảm bảo cho sự thành công cho các nội dung tự chủ về tổ chức - nhân sự và tự chủ về học thuật.

Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương & Tạ Ngọc Cường (2016), Mai Thị Sen (2017), Phạm Thị Hoa Hạnh (2018) có chung quan điểm là: Thực hiện cơ chế TCTC giúp các trường ĐHCL chủ động trong việc phát triển các nguồn thu tài chính ngoài NSNN, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả, thúc đẩy phát triển các nguồn thu tài chính ngoài NSNN của trường ĐHCL. Thực hiện cơ chế TCTC giúp khai thông, phát triển

nguồn thu thông qua việc đa dạng hoá các hoạt động sự nghiệp, tăng cường hoạt động kinh doanh dịch vụ và hợp tác liên doanh, liên kết... Đây là những nguồn thu tài chính quan trọng để đảm bảo tăng thu nhập cho cán bộ viên chức và người lao động, có nguồn lực tài chính nâng cấp cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị... trong đơn vị.

Trên thế giới, mô hình đại học tự chủ được nhìn nhận là phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Ở Việt Nam, tự chủ đại học đã có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian qua. Sự chuyển biến này xuất phát từ đòi hỏi khách quan, xu thế phát triển của giáo dục đại học và được thúc đẩy bởi chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước ta theo quan điểm: Việc thực hiện tự chủ đại học gắn đồng thời với TCTC là xu thế tất yếu nhằm đổi mới toàn diện GDĐH. Thực hiện TCTC cần khai thác cũng như sử dụng tốt nguồn lực trong đơn vị và phát huy hiệu quả đối mọi hoạt động của đơn vị. Có giải pháp tăng cường sự gắn kết, chủ động, sáng tạo, tăng tính cạnh tranh và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Đánh giá tác động tự chủ tài chính tại các trường đại học của Việt Nam hiện nay

Cơ chế TCTC áp dụng trong các cơ sở GDĐH công lập thực hiện tương tự như đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác nói chung. Theo phân cấp quản lý ngân sách tại Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính là cơ quan được Chính phủ giao chủ trì ban hành các quy định về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, định giá tài sản và công khai tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung, trong đó có cơ sở GDĐH; các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản đối với các cơ sở GDĐH trực thuộc. Bộ GDĐT chịu trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản đối với các trường đại học trực thuộc theo phân cấp, hướng dẫn của Bộ Tài chính. Các trường đại học công lập trực tiếp vận dụng thực hiện cơ chế TCTC theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, sau đó thay thế bằng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và hiện nay là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP tương tự như các đơn

vị sự nghiệp công lập khác, không có sự phân biệt. Theo đó, các trường đại học công lập được phân loại các mức TCTC như sau:

- Trường đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1);
- Trường đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2);
- Trường đại học công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên từ 10% đến dưới 100%;
- Trường đại học công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) là đơn vị có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10% hoặc đơn vị không có nguồn thu sự nghiệp.

Nguồn lực tài chính của các trường đại học công lập bao gồm: Thu từ nguồn NSNN và nguồn thu hoạt động sự nghiệp (chi tiết được quy định theo nhóm đơn vị TCTC trong chương 2 của Nghị định 60/2021/NĐ-CP).

Sau kết quả đánh giá thí điểm tự chủ của các trường đại học theo Nghị quyết 77/2014/NQ-CP giai đoạn 2014-2017, quá trình thực hiện TCTC tại các cơ sở GDĐH giai đoạn từ năm 2018 đến nay được đánh giá mức độ tác động cụ thể trên các khía cạnh như sau:

Tổng chi NSNN cho GDĐH hàng năm theo Bảng 1 cho thấy, mặc dù Chính phủ và Bộ GD&ĐT thúc đẩy các trường đại học tăng TCTC, tuy nhiên tổng mức chi từ nguồn NSNN cho GDĐH từ năm 2018-2020 vẫn có xu hướng tăng: Năm 2018 là 13.633,79 tỷ đồng, năm 2019 là 16.063,69 tỷ đồng (tăng 17,8%), năm 2020 là 16.703 tỷ đồng (tăng 4%). Trong tổng chi NSNN cho GDĐH thì tăng mạnh nhất là chi đầu tư phát triển GDĐH: Năm 2018, tổng chi là 4.785,51 tỷ đồng, năm 2019 là 7.052,33 tỷ đồng (tăng 47%), năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid nhưng tổng mức chi là 7.338,12 tỷ đồng (tăng 4,1%). Xét về cơ cấu chi trong lĩnh vực GD&ĐT thì tổng chi cho GDĐH cũng có xu hướng tăng: Năm 2018 là 4,33%, năm 2019 là 4,74%, năm 2020 mặc dù do ảnh hưởng của dịch Covid 19 mức chi vẫn chiếm là 4,62%. Số liệu tăng chi NSNN cho GDĐH hàng năm trong giai đoạn qua một lần nữa khẳng định

quan điểm của Chính phủ về việc tăng TCTC trong GDDH không có nghĩa là cắt giảm mức chi NSNN cho lĩnh vực này mà tăng TCTC là để các trường phát huy thế mạnh tự chủ của

minh, khai thác có hiệu quả nguồn lực, tăng hiệu quả hoạt động, gia tăng nguồn thu từ ngoài nguồn NSNN cấp.

Bảng 1. Số liệu chi ngân sách nhà nước giao dự toán cho GDDH giai đoạn 2018-2020
(ĐVT: Tỷ đồng)

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng chi NSNN cho GDDH	13.633,79	16.063,69	16.703,00
1.1	Tổng chi đầu tư phát triển cho GDDH	4.785,51	7.052,33	7.338,12
1.2	Tổng chi NSNN sự nghiệp cho GDDH	8.848,28	9.011,36	9.364,89
2	Tỷ lệ chi NS cho GDDH/Tổng chi NSNN cho giáo dục	4,33%	4,74%	4,62%

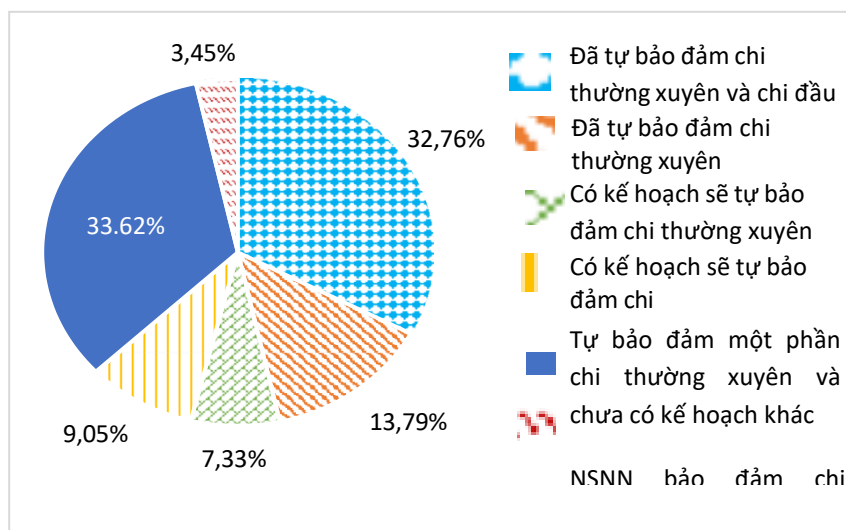
(Nguồn: Báo cáo công tác tự chủ GDDH năm 2022 của Bộ GD&ĐT)

Về tình hình mức TCTC của các trường đại học:

Theo Biểu 1, trong tổng số 232 các trường khảo sát có: 32,76% trường đã tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1); 13,79% trường đã tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2); 50% trường đang tự chủ một phần chi thường xuyên – đơn vị nhóm

3 (trong đó có 7,33% trường có kế hoạch sẽ tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 9,05% trường có kế hoạch sẽ tự đảm bảo chi thường xuyên, còn lại 33,62% trường đảm bảo một phần chi thường xuyên và chưa có kế hoạch khác); có 3,45% các trường hiện đang được NSNN bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

Biểu đồ 1. Mức độ thực hiện TCTC



Nguồn: Số liệu 232 phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT

Về TCTC tại 36 trường đại học trực thuộc Bộ GD&ĐT, báo cáo thống kê cho thấy: Có 11 trường đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư (đơn vị nhóm 1), tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2), chiếm 30 % và 25 trường tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3), chiếm 70%. Số liệu này cho thấy, còn đa số các trường đại học trực thuộc

Bộ GD&ĐT mới thực hiện tự chủ được một phần kinh phí thường xuyên.

Đánh giá về cơ cấu trong cơ sở GDDH: Qua thống kê số liệu quyết toán giai đoạn 2016-2021 của Bộ GD&ĐT, về cơ bản nguồn thu chi cho con người (bao gồm cả chi thu nhập tăng thêm và chi vượt giờ) chiếm tỷ trọng trên 50% trên tổng chi sự nghiệp giáo

dục đào tạo đại học và sau đại học; chi đầu tư cơ sở vật chất chiếm tỷ trọng 7%; chi chế độ cho học sinh, sinh viên chiếm tỷ trọng khoảng 4%; chi trích lập các quỹ chiếm tỷ trọng 10%; chi đào tạo khác chiếm tỷ trọng khoảng 25-26% tổng chi. Trong đó, nguồn kinh phí chi cho đào tạo hiện nay chủ yếu chi cho con người (tiền lương, tiền công, tiền làm thêm giờ, phụ cấp theo chế độ), chiếm tới 73%. Nguồn kinh phí dành cho tăng cường cơ sở vật chất (mua sắm, sửa chữa) chỉ chiếm 7%,

nguồn kinh phí khác chỉ cho hoạt động đào tạo chiếm 18% tổng chi, thu nhập người lao động bao gồm cả thu nhập tăng thêm, làm thêm giờ và tiền thưởng chiếm 2%.

Để đánh giá về mức độ tác động của các chính sách TCTC tại các cơ sở GDĐH, năm 2022 Bộ GD&ĐT đã thực hiện khảo sát các cơ sở GDĐH với 2 nhóm đối tượng là Hiệu trưởng và Bí thư đảng ủy/Chủ tịch HĐT có kết quả theo số liệu Bảng 2, Bảng 3 như sau:

Bảng 2. Hiệu trưởng đánh giá mức tác động của các chính sách TCTC

STT	Nội dung	Tác động rất tích cực	Tác động tích cực	Chưa rõ tác động	Tác động tiêu cực	Tác động rất tiêu cực
1	Tự chủ về học phí	26,1%	43,3%	26,1%	4,5%	0,0%
2	Tự chủ về quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ	30,6%	59,7%	9,0%	0,7%	0,0%
3	Tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công	13,4%	48,5%	28,4%	5,2%	0,0%
4	Tự chủ về quản lý đầu tư công	10,4%	38,8%	41,0%	4,5%	0,7%
5	Tự chủ về khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN	17,2%	50,0%	24,6%	3,7%	0,0%

Nguồn: Báo cáo từ 134 phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT

Bảng 3. Bí thư Đảng ủy/Chủ tịch HĐT đánh giá tác động của các chính sách TCTC

STT	Nội dung	Rất tích cực	Tích cực	Chưa rõ	Tiêu cực	Rất tiêu cực
1	Tự chủ về học phí	21,92%	49,32%	28,08%	0,68%	0,00%
2	Tự chủ về quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ	22,60%	62,33%	14,38%	0,00%	0,68%
3	Tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công	9,59%	44,52%	43,84%	0,68%	1,37%
4	Tự chủ về quản lý đầu tư công	8,90%	34,93%	52,05%	2,74%	1,37%
5	Tự chủ về khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN	15,75%	47,95%	36,30%	0,00%	0,00%

Nguồn: Báo cáo từ 146 phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT

Về tự chủ học phí: Mức đánh giá tác động tích cực và rất tích cực của các Hiệu trưởng là 69,4%, của Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT là 71,24% cho thấy các lãnh đạo đứng đầu các trường đại học đều cho rằng chính sách này có tác động tích cực đến các trường. Tuy vậy, còn khoảng 30% các lãnh đạo đánh giá về tự chủ học phí chưa có tác động hoặc tác động tiêu cực đến các trường. Trên cơ sở số liệu đánh giá tác động này cần xem xét tính đặc thù riêng của nhóm các trường chưa rõ tác động hoặc có tác động tiêu cực để có sự đánh giá toàn diện về chính sách học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP áp dụng đến năm học 2020-2021 và chính sách học phí theo Nghị định

81/2021/NĐ-CP đang áp dụng cho các trường đại học hiện nay.

Về tự chủ quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ: 90,3% các Hiệu trưởng và 85% các Bí thư đảng ủy/Chủ tịch HĐT đánh giá tác động tích cực và rất tích cực của khía cạnh tự chủ này đối với các trường, còn lại dưới 15% chủ yếu các lãnh đạo cho rằng chưa rõ tác động. Con số này cho thấy vai trò TCTC thông qua công cụ quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ đã được khẳng định từ lãnh đạo các trường đại học trong giai đoạn thực hiện cơ chế TCTC vừa qua để các trường đại học tiếp tục vận dụng phát huy hiệu quả của công cụ này.

Về tự chủ quản lý sử dụng tài sản công: Được các lãnh đạo trường đánh giá mức độ tác động tích cực và rất tích cực ở mức khá cao, trong đó Hiệu trưởng là 61,95%, Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT là 54,11%. Tuy vậy, mức đánh giá tác động chưa rõ ở mức cũng khá cao: Các Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT là 43,84%, của hiệu trưởng là 28,4% và một tỷ lệ nhỏ còn lại đánh giá tác động ở mức tiêu cực. Vì vậy, thời gian tới chính sách về tự chủ quản lý sử dụng tài sản công cần được xem xét chi tiết hơn về nguyên nhân, hiệu quả tác động để có sự điều chỉnh chính sách phù hợp với từng nhóm đơn vị đặc thù khác nhau nhằm tăng cường hiệu quả về khía cạnh tự chủ này trong các trường đại học.

Về tự chủ quản lý đầu tư công: Cơ bản gần 50% lãnh đạo các trường đánh giá có tác động tích cực và rất tích cực. Tuy nhiên, có đến trên 50% lãnh đạo các trường đánh giá chưa rõ tác động hoặc tác động tiêu cực, trong đó tỷ lệ phần khá lớn lãnh đạo các trường đánh giá chưa rõ về tác động về chính sách tự chủ này (Hiệu trưởng đánh giá 41%, Bí thư/chủ tịch HĐT là 43,84%). Số liệu này cho thấy cần có

đánh giá chi tiết về mức độ tác động với từng nhóm trường đại học công lập khác nhau, tìm hiểu nguyên nhân để có sự điều chỉnh chính sách áp dụng đối với các nhóm trường tương ứng phù hợp về tự chủ quản lý đầu tư công.

Về tự chủ về khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN: Đánh giá ở mức tác động tích cực và rất tích cực của Hiệu trưởng là 67,2%, Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT là 63,7%, còn lại khoảng 1/3 các trường đánh giá tác động chủ yếu ở mức chưa rõ (trong đó có 2,05% Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT đánh giá tác động ở mức tiêu cực). Con số này đã phần nào khẳng định có đến 2/3 các trường đại học thì chính sách TCTC đã khuyến khích khai thác tăng nguồn thu từ ngoài nguồn NSNN trong các trường đại học công lập, bên cạnh đó thì vẫn còn có những trường có tác động chưa tích cực trong khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN.

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ thuận lợi, khó khăn khi áp dụng các chính sách TCTC được thể hiện thông qua khảo sát lãnh đạo các trường ĐHCL trong Bảng 4, Bảng 5 như sau:

Bảng 4. Hiệu trưởng đánh giá về vận dụng các chính sách TCTC

STT	Nội dung chính sách	Rất thuận lợi	Thuận lợi	Chưa rõ	Khó khăn	Rất khó khăn
1	Tự chủ về học phí	20,1%	47,0%	20,1%	9,7%	0,7%
2	Tự chủ về quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ	28,4%	56,7%	8,2%	3,7%	0,7%
3	Tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công	10,4%	48,5%	23,9%	9,0%	1,5%
4	Tự chủ về quản lý đầu tư công	8,2%	39,6%	35,1%	8,2%	2,2%
5	Tự chủ về khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN	13,4%	50,7%	19,4%	7,5%	2,2%

Nguồn: Báo cáo từ 134 phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT

Quá trình áp dụng thực hiện các chính sách TCTC đa số các Hiệu trưởng cho rằng việc thực hiện các chính sách trên thuận lợi và rất thuận lợi. Trong đó, tự chủ học phí là 67,1%, Quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ có mức đánh giá này cao nhất là 85,1%, Tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công là 58,9%, Tự chủ về quản lý đầu tư công có mức đánh giá thấp hơn so với các chỉ tiêu là 47,8%, Tự chủ về

khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN là 64,1%.

Tuy vậy, theo số liệu Bảng 4, còn tỷ lệ khá lớn các Hiệu trưởng cho rằng chưa rõ có thuận lợi hay không trong thực hiện các chính sách TCTC, nhất là tự chủ về quản lý đầu tư công (có mức chưa rõ 35,1%). Mức đánh giá về việc áp dụng các chính sách TCTC ở mức khó khăn và rất khó khăn của các chính sách trên hầu hết còn ở mức đáng quan tâm là từ 9,7% đến 10,5%.

Bảng 5. Bí thư Đảng ủy/Chủ tịch HĐT đánh giá về vận dụng các chính sách TCTC

STT	Nội dung chính sách	Rất thuận lợi	Thuận lợi	Chưa rõ	Khó khăn	Rất khó khăn
1	Tự chủ về học phí	14,38%	52,74%	28,08%	5,48%	2,05%

2	Tự chủ về quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ	15,75%	65,75%	14,38%	2,74%	0,68%
3	Tự chủ về quản lý sử dụng tài sản công	5,48%	46,58%	43,84%	6,85%	2,74%
4	Tự chủ về quản lý đầu tư công	4,11%	39,04%	52,05%	6,85%	3,42%
5	Tự chủ về khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN	11,64%	50,68%	36,30%	2,05%	2,74%

Nguồn: Báo cáo từ 146 phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT

Kết quả khảo sát đánh giá mức thuận lợi, khó khăn khi áp dụng các chính sách TCTC trên đây từ các Bí thư đảng ủy/chủ tịch HĐT đối với từng chỉ tiêu cơ bản có sự tương đồng đánh giá như các Hiệu trưởng, trong đó chính sách áp dụng Tự chủ quản lý đầu tư công và Tự chủ quản lý sử dụng tài sản công có mức đánh giá thuận lợi và rất thuận lợi thấp hơn cả, mức đánh giá chưa rõ thuận lợi hay khó khăn của 2 chỉ tiêu này cũng ở mức rất cao (tương ứng 52,05% và 46,58%), tỷ lệ đánh giá này cũng thống nhất với mức đánh giá tác động tại Bảng 3 trên đây. Số liệu này đã phản ánh những băn khoăn về chính sách tự chủ quản lý đầu tư công và sử dụng quản lý tài sản công trong các trường ĐHCL hiện nay.

Đánh giá khả năng nâng cao năng lực tài chính tại các trường đại học đến năm 2022 cho thấy:

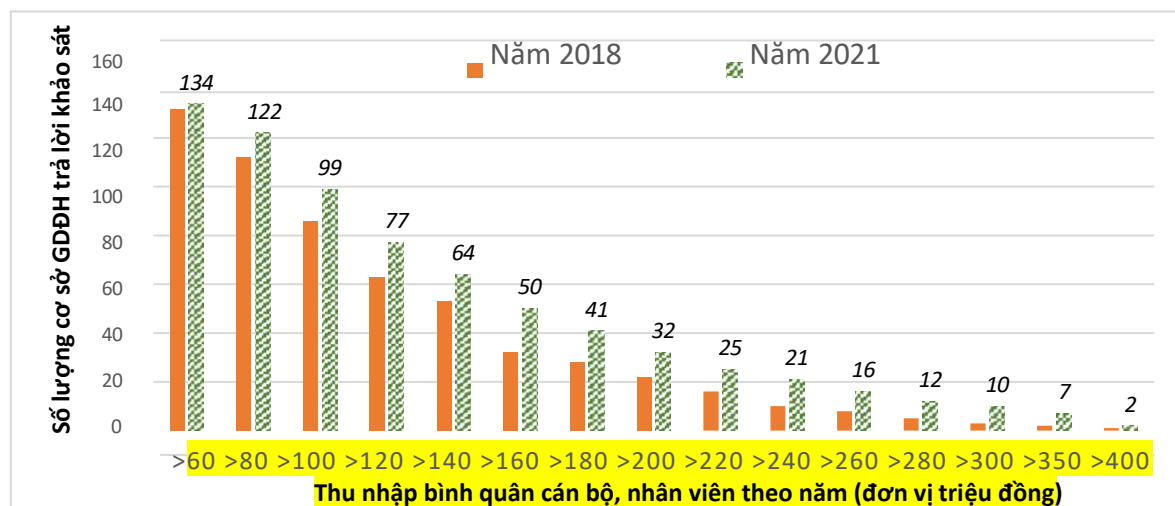
- Về tổng nguồn thu hàng năm: Có

75,3% các trường đại học công lập được khảo sát có tổng nguồn thu hàng năm tăng, nhưng có 19% các trường cho rằng tổng nguồn thu giảm, 5,7% trường có tổng nguồn thu giữ nguyên.

- Về tổng nguồn thu hàng năm ngoài NSNN: Có 72,4% các trường có nguồn thu ngoài nguồn NSNN tăng, 14,3% các trường giảm và 13,3% các trường mức giữ nguyên.

- Về thu nhập bình quân/cán bộ/năm năm 2021 so với năm 2018: Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các trường có xu hướng tăng, trong đó 88,2% các trường cho rằng mức thu nhập bình quân/cán bộ/năm tăng, 3,7% các trường đánh giá giữ nguyên, 8,1% các trường có mức thu nhập bình quân giảm. Mức thu nhập của cán bộ, giảng viên năm 2021 so với năm 2018 có sự tăng lên rõ rệt, chi tiết theo Biểu đồ 02:

Biểu đồ 02. Thu nhập trung bình của cán bộ/năm (đơn vị triệu đồng)



Nguồn: Báo cáo khảo sát 134 cơ sở GD &ĐT của Bộ GD&ĐT

Trong đó, theo kết quả khảo sát 134 trường ĐHCL sau 4 năm thực hiện TCTC (2018-2021): Năm 2018 tỷ lệ giảng viên thu nhập dưới 100 triệu/năm chiếm 26,2%, năm 2021 còn 12,7%; tỷ lệ giảng viên thu nhập dưới 150 triệu/năm 2018 là 57,5% và còn 46,3% năm 2021. Giảng viên có thu nhập trên 200 triệu/năm tăng từ 19,4% lên

31,34%; thu nhập trên 300 triệu trở lên tăng từ 0,75% lên 5,97%.

Như vậy, theo kết quả khảo sát đánh giá tác động của cơ chế TCTC đến các trường đại học công lập trên đây cho thấy: Đa phần các trường tích cực triển khai TCTC toàn diện và sâu rộng và đã thu được những kết quả tích cực; một số trường bước đầu

TCTC nên kết quả chưa đáng kể. Đa số các trường cho rằng triển khai các chính sách tự chủ về học phí thuận lợi và đã mang lại tác động rất tích cực. Đồng thời, đa phần các trường (khoảng gần 90%) cho rằng các chính sách về tự chủ quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ thuận lợi trong triển khai và chính sách mang lại tác động tích cực cho các trường. Tuy nhiên, chính sách tự chủ về quản lý tài sản công, quản lý đầu tư công và khai thác, sử dụng các nguồn thu ngoài NSNN còn khá nhiều trường cho rằng còn chưa rõ tác động và chưa thuận lợi; một phần nhỏ (6-10%) các trường còn gặp khó khăn trong các chính sách này. Do đó, trong thời gian tới cần có những khảo sát, nghiên cứu đánh giá rõ về nguyên nhân của những thành công, những khó khăn để tìm giải pháp thiết thực cho các trường tháo gỡ khó khăn, thực hiện hiệu quả cơ chế TCTC trong các trường ĐHCL giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2013.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Báo cáo tình hình thực hiện tự chủ đại học*.
3. Bộ Tài chính (2022), Thông tư số 56/2022/TT-BTC Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế TCTC của đơn vị sự nghiệp công lập, ban hành ngày 16 tháng 9 năm 2022.
4. Chính phủ (2012), Nghị quyết số 40/2012/NQ-CP Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”, ban hành ngày 09 tháng 8 năm 2012.
5. Chính phủ (2014), Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ban hành ngày 09 tháng 6 năm 2014.
6. Chính phủ (2014), Nghị quyết số 77/NQ-CP về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các trường đại học công lập giai đoạn 2014-2017, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014.
7. Chính phủ (2006), Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Chính phủ (2015), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
9. Chính phủ (2021), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế TCTC trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
10. Chính phủ (2015), Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, ban hành ngày 02 tháng 10 năm 2015.
11. Chính phủ (2021), Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong giáo dục, đào tạo, ban hành ngày 27 tháng 8 năm 2021.
12. Douglas A. & Adrian Z. (1992), *Financing universities in developing countries*, Phree Background Paper Series.
13. EUA (2009), *University Autonomy in Europe I*, European University Association, Brussels, Belgium.
14. John Fielden (2008), *Global trends in university governance*, Working Paper Series, No.9, World Bank, Washington, D.C. - USA.
15. Mai Thị Sen (2017), *Vấn đề tự chủ tài chính của các trường đại học công lập Việt Nam*, Tạp chí Tài chính.
16. Nguyễn Thị Hương và Tạ Ngọc Cường (2016), *Tự chủ tài chính - cơ hội nâng cao chất lượng cho các trường đại học công*

- lập ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục.
17. Phạm Thị Hoa Hạnh (2018), *Quản lý chi phí đào tạo của các trường đại học công lập ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.
 18. Phan Đăng Sơn (2014), *Một số giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học ở Việt Nam*, <http://isos.gov.vn/>
 19. Quốc hội (2012), *Luật Giáo dục đại học*, Luật số 08/2012/QH13.
 20. Robert H. Bruininks (2005), “Public universities in the United States”, *E-Journal USA of Society and Values*.
 21. Trịnh Xuân Thắng (2015), *Tự chủ đại học nhìn từ góc độ tự chủ tài chính ở các trường công lập*, <http://giaoduc.net.vn/>.

IMPACTS OF FINANCIAL AUTONOMY ON FINANCIAL RESOURCES AT VIETNAM PUBLIC UNIVERSITIES

Vu Thi Sen

Tay Bac University

Abstract: *This study employed document analysis method in combination with surveys with leaders to collect data. Several important findings regarding financial autonomy in the context of Vietnamese and international universities were identified. First, the majority of Vietnamese public universities believe that financial autonomy constantly has a positive impact on their financial resources and that the implementation of financial autonomy is always favorable. Second, most of the universities were not sure about the possible impact while some universities alluded to negative impacts. The findings revealed the majority of universities documented an increased level of financial autonomy. 75% of universities reported an increase in total revenue, 72% of universities in non-state budget revenues and 88% of universities in the income of staff and lecturers. However, 25% of universities reported a decrease or no change in their revenue, 12% of universities showed a decrease or no change in the income of staff and lecturers. From there, some conclusion regarding financial autonomy in Vietnamese university context were made.*

Keywords: *University autonomy; Financial autonomy; Financial autonomy mechanism.*

Ngày nhận bài: 07/05/2022. Ngày nhận đăng: 06/06/2022

Liên lạc: Vũ Thị Sen, e-mail: senketoan@utb.edu.vn